TAND THÀNH PHỐ L1 **TỈNH L1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố L1, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L1, TỈNH L1

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2023/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:
- Chị Lù Thị N, sinh năm 1993
Địa chỉ: Tổ 12, phường Quyết T, thành phố L1, tỉnh L1.
- Anh Nùng Văn L, sinh năm 1992
Địa chỉ: Tổ 12, phường Quyết T, thành phố L1, tỉnh L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Lù Thị N và anh Nùng Văn L trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lù Thị N và anh Nùng Văn L là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2013, quyển số 01/2013, ngày 26/11/2013 của UBND phường Quyết Tiến, thị xã L1 nay là thành phố L1, tỉnh L1. Đến nay chị N và anh L đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Chị Lù Thị N và anh Nùng Văn L đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lù Thị N và anh Nùng Văn L.

- Về việc nuôi con: chị Lù Thị N và anh Nùng Văn L có 01 con chung là Nùng Gia H, sinh ngày 21/3/2014. Chị N và anh L thỏa thuận như sau:

Anh Nùng Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nùng Gia H đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lù Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lù Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: chị Lù Thị N và anh Nùng Văn L tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Lù Thị N và anh Nùng Văn L thỏa thuận chị N là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Xác nhận chị Lù Thị N đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001657 ngày 22/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L1, tỉnh L1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Quyết T, TP L1, tỉnh L1;
- TAND tỉnh L1;
- VKSND TP L1;
- Chi cục THA dân sự TP L1;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Tòng Thị Tuyết